TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-12-2017.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Lê Thị Hoàng Diễm.
2/ Bà Phạm Thị Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Ngà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Minh K** - Sinh năm: 1985; cư trú tại: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2/ Bị đơn: Anh **Phạm Phùng Q** - Sinh năm: 1973; cư trú tại: Ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2017, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị Minh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2009 và đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến

Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc sống ly thân kể từ đó cho đến nay, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong việc buôn bán, anh Q ham chơi đá gà, chị và gia đình có khuyên can nhưng anh Q không thay đổi. Kể từ khi sống ly thân cho đến nay, anh chị mạnh ai nấy sống mà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị K cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn với anh Q, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh Q có một người con chung là Phạm Như Y - Sinh ngày 31/10/2010, hiện đang sống chung với chị K. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị K xác định là không có.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Phạm Phùng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị K về thời gian kết hôn, cũng như việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Anh Q cho rằng: Anh và chị K chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì giữa vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do đầu năm 2016 anh về quê nuôi heo (trước đó anh và chị K lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống) nhưng chị K không đồng ý vì cho rằng anh về quê ăn chơi, đá gà nên giữa vợ chồng mới phát sinh cự cãi. Anh có uống rượu, đá gà nhưng không thường xuyên và chỉ chơi cho vui chứ không mang tính chất chuyên nghiệp hay để kiếm tiền sinh sống. Anh và chị K sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Hiện nay, anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết anh và chị K phải ly hôn thì anh không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị K có một người con chung là: Phạm Như Y - Sinh ngày 31/10/2010, người con này đang sống chung với chị K. Trường hợp Tòa án giải quyết anh và chị K phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Anh Q xác định là không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu:

Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 19, 56, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Minh K đối với anh Phạm Phùng Q; ghi nhận việc chị K, anh Q không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Về con chung: Giao cho chị K được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Q là Phạm Như Y - Sinh ngày 31/10/2010, ghi nhận việc chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Minh K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với anh Phạm Phùng Q có địa chỉ tại ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Việc kết hôn giữa chị K với anh Q là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, hay lừa dối và phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị K cho rằng cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn nhưng anh Q không đồng ý ly hôn.

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy lời trình bày của chị K về nguyên nhân phát sinh tranh chấp cũng như về việc chị và anh Q sống ly thân là thực tế có xảy ra. Xét thấy, giữa chị K và anh Q đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, đã sống ly thân từ đầu năm 2017, từ khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống mà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống, và cho đến hiện nay anh chị vẫn đang sống ly thân mà không thể đoàn tụ được từ đó cho thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị K, anh Q không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ

chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Chị K, anh Q đều yêu cầu được nuôi người con chung của anh chị là Phạm Như Y - Sinh ngày 31/10/2010. Xét thấy, chị K, anh Q có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, cháu Phạm Như Y (sinh ngày 31/10/2010) hiện đã hơn bảy tuổi, có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là chị K, đồng thời hiện nay chị K cũng đang là người trực tiếp nuôi con, cũng như chăm sóc tốt cho người con này nên cần chấp nhận yêu cầu của chị K về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Chị Lê Thị Minh K không yêu cầu anh Phạm Phùng Q cấp dưỡng nuôi con nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị Lê Thị Minh K, anh Phạm Phùng Q không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Minh K là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

1.1) Chị Lê Thị Minh K được ly hôn với anh Phạm Phùng Q.

1.2) Ghi nhận việc chị Lê Thị Minh K, anh Phạm Phùng Q không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/ Về nuôi con chung:

2.1) Chị Lê Thị Minh K được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con

chung giữa chị với anh Phạm Phùng Q là Phạm Như Y - Sinh ngày 31/10/2010 (người con này hiện đang sống chung với chị K). Anh Phạm Phùng Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2) Anh Phạm Phùng Q có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Phạm Phùng Q lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Lê Thị Minh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Q.

2.3) Vì lợi ích của con chung, chị Lê Thị Minh K, anh Phạm Phùng Q hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Minh K, anh Phạm Phùng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Minh K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012592 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, chị Lê Thị Minh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Lê Thị Minh K, anh Phạm Phùng Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên